**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**tổng kết 10 năm thực hiện Đề án tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng ban hành kèm theo Quyết định số 1327-QĐ/TU ngày 28/8/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XII)**

*(kèm theo Kế hoạch số 118-KH/ThU, ngày 27/02/2023 của BTV Thành uỷ)*

**­­**-----

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Đặc điểm tình hình chung**

- Khái quát tình hình chung của cơ quan, đơn vị.

- Tình hình tổ chức đảng và đảng viên: Số tổ chức cơ sở đảng *(nêu rõ số chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở);* tổng số đảng viên *(chính thức, dự bị, đảng viên nữ, đảng viên người dân tộc)*.

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, lao động chưa phải là đảng viên - Tổng số báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở hiện có.

**2. Thuận lợi, khó khăn**

Nêu những thuận lợi, khó khăn liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện Đề án 1327.

***2.1. Thuận lợi***

***2.2. Khó khăn***

**II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO; HỌC TẬP QUÁN TRIỆT**

**1. Công tác tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền Đề án 1327**

 - Kết quả tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền Đề án 1327 và Kế hoạch số 68-KH/ThU, ngày 28/11/2013 về “Tổ chức quán triệt, học tập, triển khai thực hiện Kết luận 70-KL/TW, ngày 10/9/2013 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Đề án "Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng" của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ**: N**êu rõ phương pháp, hình thức tổ chức, số lượng cụ thể.

- Đánh giá nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động sau khi được học tập, quán triệt.

**2. Công tác lãnh, chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án**

Những văn bản đã ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng.

**III. KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 1327**

**1. Về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền nghị quyết của Đảng**

- Kết quả việc nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ: Đánh giá nhận thức của cấp uỷ, chính quyền các cấp về vị trí, tầm quan trọng của việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền nghị quyết của Đảng. Việc phát huy vai trò của đồng chí bí thư cấp ủy, các đồng chí cấp uỷ viên trong chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc học tập, quán triệt, triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện nghị quyết ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Việc phân công Ủy viên Ban Thường vụ, cấp ủy viên chỉ đạo các chi bộ, đảng bộ cơ sở thực hiện Đề án 1327; thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, khảo sát việc triển khai thực hiện Đề án 1327*.* Việc xử lý đối với những chi bộ, đảng bộ, đảng viên tổ chức học tập không nghiêm túc *(nếu có).*

- Kết quả công tác đổi mới trong xây dựng hướng dẫn tổ chức các hội nghị học tập, quán triệt nghị quyết và xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết: Việc phân bổ thời gian, xác định nội dung báo cáo trọng tâm, cách thức quán triệt phù hợp với từng đối tượng học tập; việc hướng dẫn và thống nhất về kết cấu, nội dung, quy trình xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết. Việc phân công cấp uỷ viên cấp trên hướng dẫn cơ sở. Việc xây dựng các chương trình, hành động, kế hoạch thực hiện các nghị quyết quan trọng *(công tác cán bộ, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh... )* của cấp cơ sở có được cấp uỷ viên cấp trên phụ trách thẩm định, cho ý kiến không? Hiệu quả việc cho ý kiến...

- Kết quả công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết.

**2. Về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến nghị quyết của Đảng**

- Đối với cấp ủy, chính quyền các cấp: Xây dựng kế hoạch, nội dung tuyên truyền nghị quyết và các văn bản liên quan với hình thức phù hợp, linh hoạt. Tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc tuyên truyền nghị quyết.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp: Kết quả tuyên truyền nghị quyết sâu rộng tới đoàn viên, hội viên và Nhân dân *(có số liệu cụ thể).* Kết quả những đổi mới, sáng tạo trong công tác tăng cường cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đoàn thể cấp thành phố và xã, phường xuống chỉ đạo, hướng dẫn và giúp cơ sở, tổ dân phố, bản tuyên truyền nghị quyết.

- Các cơ quan làm nhiệm vụ tuyên truyền thành phố: Việc xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền nghị quyết của Đảng; kết quả thực hiện đổi mới công tác tuyên truyền về nội dung; kết quả đổi mới về hình thức *(nêu có từng hình thức tuyên truyền và có số liệu cụ thể).*

**3. Việc đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ quán triệt, tuyên truyền nghị quyết của Đảng**

- Công tác quy hoạch, kiện toàn Bí thư, phó Bí thư, cấp ủy (*có số liệu cụ thể).*

- Việc điều chỉnh, bổ sung đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên dư luận xã hội, tuyên truyền viên cơ sở. Việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền miệng *(có số liệu cụ thể).*

- Việc kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tuyên giáo các cấp.

- Đánh giá việc định hướng của Ban Tuyên giáo Thành ủy cho các chi bộ, đảng bộ, đảng bộ cơ sở; các cơ quan làm công tác tuyên truyền; đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền miệng về những nội dung cơ bản; cung cấp thông tin, tư liệu của địa phương có liên quan đến nghị quyết; định hướng về nội dung, xây dựng chương trình hành động hoặc kế hoạch thực hiện nghị quyết.

**4. Việc đổi mới, nâng cao chất lượng các khâu tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết**

- Việc đổi mới nội dung và cách thức tổ chức hội nghị học tập, quán triệt, triển khai nghị quyết; tổ chức học tập, quán triệt điểm trước khi triển khai học tập nghị quyết ở cấp cơ sở. Việc trao đổi, thảo luận, giải đáp thắc mắc của người học.

- Việc thực hiện phân loại đối tượng trong tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết.

- Công tác biên soạn, chuẩn bị, cấp phát tài liệu học tập, tuyên truyền nghị quyết.

- Đầu tư cơ sở vật chất; đa dạng phương pháp, hình thức, ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, quán triệt, triển khai nghị quyết. Việc đầu tư xây dựng, tu sửa nhà văn hóa bản, tổ dân phố; trang thiết bị tăng âm loa đài; hệ thống loa truyền thanh cơ sở... *(so sánh tình hình trước và sau khi thực hiện Đề án)*.

- Trách nhiệm của cán bộ, đảng viên khi học tập nghị quyết: Đánh giá ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên khi học tập nghị quyết *(số lượng, chất lượng tham gia học tập, thảo luận, viết thu hoạch sau khi học tập, quán triệt nghị quyết).*

- Đánh giá việc sử dụng nguồn ngân sách nhà nước trong việc tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết theo Đề án 1327, bao gồm các loại kinh phí: Tổ chức hội nghị; biên soạn tài liệu, tờ rơi, in sao tài liệu; tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thông tin tuyên truyền; đầu tư xây dựng, bổ sung, sửa chữa hệ thống cơ sở vật chất; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ báo cáo viên.

*(Có các phụ lục kèm theo)*

**IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Một số kết quả nổi bật**

Đánh giá tổng quan kết quả nổi bật thực hiện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án 1327 *(làm rõ những mục tiêu đã đạt và vượt).*

**2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

**3. Bài học kinh nghiệm**

**IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**1. Nhiệm vụ, giải pháp**

**2. Đề xuất, kiến nghị**

Đối với Tỉnh uỷ, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ.

Đối với Thành ủy, Ban Tuyên giáo Thành ủy.

**PHỤ LỤC SỐ 02**

**Kết quả tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền các nghị quyết của Đảng từ khi ban hành Đề án 1327**

 *(kèm theo Báo cáo số ....-BC/..., ngày .../.../2023 của .................)*

*-----*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số hội nghị đã tổ chức** | **Tổng số người được học tập, quán triệt** | **Tổng số đoàn viên, hội viên, Nhân dân được tuyên truyền** | **Tổng số tài liệu phục vụ cho việc học tập, quán triệt, tuyên truyền được cấp** |
| **Đảng viên** | **CB, công chức, viên chức, NLĐ chưa là ĐV** |
| Tổng số | Số được học tập | *Tỷ lệ %* | *Tổng số* | *Số được học tập* | *Tỷ lệ %* |
| 2013 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2014 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2015 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2016 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2017 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2018 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2019 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2020 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2021 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2022 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2023 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú:* Số liệu năm 2023 tính đến thời điểm báo cáo.

**PHỤ LỤC SỐ 03**

**Số lượng, kết quả hoạt động của đội ngũ báo cáo viên thành phố, tuyên truyền viên cơ sở**

*(kèm theo Báo cáo số ....-BC/..., ngày .../.../2023 của .................)*

*-----*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số lượng báo cáo viên** | **Số lượng tuyên truyền viên cơ sở** | **Kết quả hoạt động** |
| **Cấp tỉnh** | **Cấp** **thành phố** | **Cấp thành phố** | **Cấp cơ sở** |
| **Số hội nghị** | **Lượt người** | **Số hội nghị** | **Lượt người** |
| 2013 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2014 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2015 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2016 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2017 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2018 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2019 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2020 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2021 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2022 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2023 |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú:* Số liệu năm 2023 tính đến thời điểm báo cáo.

**PHỤ LỤC SỐ 04**

**kết quả kiểm tra, giám sát việc học tập, quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng**

 *(kèm theo Báo cáo số ....-BC/..., ngày .../.../2023 của .................)*

-----

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  | **Cấp ủy cấp thành phố** | **UBKT Thành ủy** | **Ban Tuyên giáo Thành ủy** | **Chi bộ, đảng bộ cơ sở** | **Chi bộ trực thuộc** **Đảng bộ cơ sở** |
| ***Kiểm tra*** | ***Giám sát*** | ***Kiểm tra*** | ***Giám sát*** | ***Kiểm tra*** | ***Giám sát*** | ***Kiểm tra*** | ***Giám sát*** | ***Kiểm tra*** | ***Giám sát*** |
| Số cuộc | Tập thể | Cá nhân | Số cuộc | Tập thể | Cá nhân | Số cuộc | Tập thể | Cá nhân | Số cuộc | Tập thể | Cá nhân | Số cuộc | Tập thể | Cá nhân | Số cuộc | Tập thể | Cá nhân | Số cuộc | Tập thể | Cá nhân | Số cuộc | Tập thể | Cá nhân | Số cuộc | Tập thể | Cá nhân | Số cuộc | Tập thể | Cá nhân |
| 2013 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2014 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2015 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2016 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2017 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2018 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2019 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2020 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2021 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2022 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2023 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú:* Số liệu năm 2023 tính đến thời điểm báo cáo.